

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN VNG, ST=Hồ
Chí Minh, UID=MST:0303490096
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.10.07
18:13:53
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2026.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
VNG GROUP JSC

Số/No.: 42/2026/CBTT-VNGG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

Ho Chi Minh City, 06 October 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG **EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
To: *State Securities Commission of Vietnam*
Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG**
Name of organization: VNG GROUP JSC
 - Mã chứng khoán: VNZ
Stock code: VNZ
 - Địa chỉ: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Z06 Street No. 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 - Điện thoại liên hệ/Tel.: (028) 3962388 Fax: E-mail:

- Nội dung thông tin công bố/*Information announcement:*

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VNG trân trọng công bố Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty số 13/2026/BC-VNGG như đính kèm.

VNG Group JSC would like to announce the Report on the results of share issuance under the ESOP No. 13/2026/BC-VNGG as enclosed.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://ir.vng.com.vn/vi/disclosures>
This information was published on the company's website, as in the link:
<https://ir.vng.com.vn/en/disclosures>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby undertake that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the laws.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As above*;
- Lưu văn thư/*Filing*/.


ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSURE
INFORMATION




TAN WEI MING



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN VNG
VNG GROUP JSC
Số/No: 13/2026/BC-VNGG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, 06 October, 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA
CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**
**REPORT ON THE RESULTS OF SHARE ISSUANCE UNDER THE EMPLOYEE
STOCK OPTION PROGRAM (ESOP)**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
To: THE STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
ABOUT THE ISSUING ORGANIZATION

- Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG
Full name of the issuing organization VNG Group JSC
- Tên viết tắt/Abbreviated name : VNG GROUP
- Địa chỉ trụ sở chính : Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Headquarter address Z06 Street 13, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại/Phone number : 028 3962 3888
Website : <https://vng.com.vn/>
- Vốn điều lệ : 297.264.650.000 đồng (Hai trăm chín mươi
bảy tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, sáu trăm
năm mươi nghìn đồng)
Charter capital 297,264,650,000 VND (In text: Two hundred ninety-seven billion, two hundred sixty-four million, six hundred fifty thousand Vietnamese dongs)
- Mã cổ phiếu/Security code : VNZ
- Nơi mở tài khoản thanh toán/ Account servicing bank : Ngân hàng TMCP Phương Đông - chi
nhánh Hội Sở TPHCM
Orient Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Head Office Branch
- Số hiệu tài khoản/ Account number : 0111100013183008

8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 0303490096 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 09/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 46 ngày 02/04/2026.
Enterprise Registration Certificate No. 0303490096 initially issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance (formerly the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment) on 09/09/2004, and subsequently amended for the 46th time on 02/04/2026.

- 8.1. Ngành nghề kinh doanh chính:
Main lines of business:

STT/ No.	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu <i>Main lines of business</i>	Mã số <i>Code</i>
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) Chi tiết: Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở <i>Real estate business and trading in land use rights owned, used, or leased (excluding investment in the construction of cemetery or graveyard infrastructure for the purpose of transferring land use rights attached to such infrastructure).</i> <i>Details: Leasing and operating non-residential buildings and land</i>	6810
2	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. - Cung cấp dịch vụ truy nhập internet (ISP), - Cung cấp dịch vụ ứng dụng internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông) (trừ bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp) (Dịch vụ truy cập Internet IAS, không có hạ tầng mạng) (trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức) <i>Other telecommunications activities</i> <i>Details:</i> - Agency for the provision of Internet services. - Provision of Internet access services (ISP). - Provision of Internet application services in postal and telecommunications sectors (Postal OSP, Telecommunications OSP) (excluding the resale of telecommunications infrastructure or network capacity). (Internet Access Service – IAS, without network infrastructure.) (Excluding activities related to security, press activities, and news gathering in any form.)	6190
3	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại (CPC 871)	7310

	(Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quảng cáo thuốc lá và rượu; không được thực hiện hoạt động in ấn và phát hành các ấn phẩm) <i>Advertising</i> <i>Details: Commercial advertising services (CPC 871).</i> <i>(Economic organizations with foreign invested capital are not permitted to conduct advertising for tobacco and alcoholic beverages; and are not permitted to carry out printing and publishing activities.)</i>	
4	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (CPC 849) <i>Computer consultancy and computer infrastructure management (CPC 849)</i>	6220
5	(Chính) Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: - Kinh doanh trò chơi điện tử. - Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng) (CPC 964) <i>(Primary) Other recreational activities</i> <i>Details: - Operation of electronic games. - Provision of online electronic game services (excluding the operation of prize-winning electronic games for foreigners and online prize-winning electronic games) (CPC 964).</i>	9329
6	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá Chi tiết: đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi. (CPC 621) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) <i>Agency, brokerage, and auction of goods</i> <i>Details: Commission agency services for the trading of telephone cards, internet cards, and game cards (CPC 621).</i> <i>(Excluding products for which foreign investors or foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights, or distribution rights in accordance with the law.)</i>	4610
7	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng. Xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu. (CPC 843) (trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức) <i>Information technology infrastructure, data processing, hosting, and related activities</i> - <i>Details: Services for accessing and processing data and information on networks. Database development, database storage, and database utilization. (CPC 843)</i> <i>(Excluding activities related to security, press activities, and news-gathering activities in any form.)</i>	6310

8	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại. (dịch vụ nhắn tin, dịch vụ PCS – Personal Communication Service) (Dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng) (trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức) <i>Operation of web search portals and other information services</i> <i>Details: Information services provided via telephone (messaging services, PCS – Personal Communication Service) (other telecommunications services without network infrastructure).</i> <i>(Excluding activities related to security, press activities, and news gathering in any form.)</i>	6390
9	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) <i>Development of electronic games, electronic game software, and electronic game software tools</i> <i>(Excluding products for which foreign investors or foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights, or distribution rights in accordance with law.)</i>	6211
10	Lập trình máy tính khác Chi tiết: sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm (CPC 849) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) <i>Other computer programming activities</i> <i>Details: Software production; software consultancy and supply services (CPC 849).</i> <i>(Excluding products for which foreign investors or foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights, or distribution rights in accordance with applicable laws.)</i>	6219
11	Hoạt động các trang mạng xã hội và hoạt động phân phối nội dung khác Chi tiết: - Thiết lập mạng xã hội; - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Trừ hoạt động báo chí); - Dịch vụ thương mại điện tử; - Sản giao dịch thương mại điện tử. (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động dịch vụ thương mại điện tử sau khi được cấp Giấy phép kinh doanh theo đúng quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; Cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo quy định tại Luật Công nghệ thông tin, Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 9/11/2024 quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;	6039

	doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, thông tư số 47/2014/TT-BTC, thông tư 59/2015/TT-BTC quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử) <i>Operation of social networking sites and other content distribution activities</i> <i>Details:</i> - Establishment of social networks; - establishment of general information websites, excluding press activities; - e-commerce services; - e-commerce trading platforms. <i>(The enterprise may only provide e-commerce services after being granted a business license in accordance with Decree No. 09/2018/ND-CP; licensing for the establishment of general information websites shall comply with the Law on Information Technology and Decree No. 147/2024/ND-CP dated 9 November 2024 on the management, provision and use of Internet services and online information; the enterprise must satisfy the conditions prescribed in Decree No. 52/2013/ND-CP, Circular No. 47/2014/TT-BTC, and Circular No. 59/2015/TT-BTC on the management of e-commerce activities.)</i>	
12	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay <i>Intermediary service activities for passenger transportation</i> <i>Details: Airline ticket agency</i>	5232
13	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Dịch vụ đại lý bảo hiểm <i>Activities of insurance agents and brokers</i> <i>Details: Insurance agency services</i>	6622
14	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: Dịch vụ trực điện thoại <i>Call-related service activities</i> <i>Details: Telephone answering services</i>	8220
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác không kèm người điều khiển <i>Leasing of machinery, equipment and other tangible goods without operator</i>	7730
16	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng <i>Administrative and office support activities</i>	8210
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ tổ chức gây quỹ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; dịch vụ ghi chép tại tòa án, dịch vụ thu hồi tài sản; hoạt động xử lý visa và giấy phép lao động; gây quỹ dựa trên đóng góp đám đông; mua bán và môi giới tài sản tiền điện tử mà không kèm theo trách nhiệm pháp lý (không phải do cơ quan tiền tệ phát hành); hoạt động của người đầu giá độc lập) <i>Other remaining business support service activities not elsewhere classified</i>	8299

	<i>(Excluding fund-raising organization services on a fee or contract basis; court reporting services; repossession services; visa and work permit processing activities; crowdfunding based on public contributions; trading and brokerage of crypto-assets without corresponding legal liability (not issued by a monetary authority); and activities of independent auctioneers.)</i>	
18	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác <i>Business administration advisory and other advisory activities</i>	7020

- 8.2. Sản phẩm/dịch vụ chính: Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm; Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.

Main products/services: Provision of online electronic game services; software production, software consultancy and supply; network-based data and information access services, and network-based data and information processing services.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động/ *License for establishment and operation*: Không có/N/A.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH *SHARE ISSUANCE PLAN*

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG;
Name of shares: Shares of VNG Group JSC;
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
Type of shares: Ordinary shares;
- Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
Number of shares prior to issuance:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 29.726.465 cổ phiếu;
Total issued shares: 29,726,465 shares;
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 29.726.465 cổ phiếu;
Number of outstanding shares: 29,726,465 shares;
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu;
Number of Treasury shares: 0 shares;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 701.521 cổ phiếu, tương ứng 2,36% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành;
Number of shares to be issued: 701,521 shares, corresponding to 2.36% of the total issued shares;

5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (từ ngày 23/09/2026 đến hết ngày 22/09/2027);
Transfer restriction period: 01 year from the completion date of the issuance (from 23/09/2026 until the end of 22/09/2027);
6. Giá phát hành: 30.000 đồng/cổ phiếu;
Issuance price: VND 30,000 /share;
7. Nguồn vốn phát hành: Không áp dụng;
Issuance funds: N/A;
8. Ngày kết thúc đợt phát hành: 23/09/2026;
Issuance completion date: 23/09/2026;
9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong quý III-IV/2026.
Expected date of share transfer: Anticipated in QIII-IV/2026

III. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU **SHARE ISSUANCE RESULTS**

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 701.521 cổ phiếu, tương ứng 98,81% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành;
Number of shares distributed: 701,521 shares, corresponding to 98.81% of the number of shares to be issued;
2. Số người lao động được phân phối: 660 người;
Number of employees allocated shares: 660 employees;
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 23/09/2026): 30.427.986 cổ phiếu, trong đó:
Total number of shares after issuing (as of 23 September 2026): 30,427,986 shares, of which:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 30.427.986 cổ phiếu;
Number of outstanding shares: 30,427,986 shares;
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
Number of Treasury shares: 0 shares.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO **APPENDIXES**

1. Danh sách người lao động đã tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty;
List of employees who have subscribed to purchase shares under the Company's Employee Stock Option Program (ESOP);



2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2026/NQ-HĐQT ngày 06./10/2026 thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) năm 2026;
Resolution of the Board of Directors No. 10/2026/NQ-HĐQT dated 06./10/2026 approving the results of the share issuance under the 2026 Employee Stock Option Program (ESOP);
3. Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình về số tiền thu được từ đợt phát hành;
Confirmation letter from Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Tan Binh Branch regarding the proceeds collected from the issuance;
4. Công văn số 200/2026/CV-VNGG ngày 06./10/2026 về báo cáo kết quả phát hành ESOP.
Official Letter No. 200/2026/CV-VNGG dated 06./10/2026 regarding the report on the results of the ESOP issuance.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/above;
- Lưu VT/ Filed at Administrative Office

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
VNG GROUP JSC
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS
LEGAL REPRESENTATIVE

